

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P10+AMD	7:25	11+0+11	0+0+0		6+2+14	0+0+0	
2		BK5+PPD+VSP01	7:25	9+12+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	chuyen 1 bk5-ppd
3		RP1+P6+AMD	9:25	7+0+13	0+0+0		2+3+14	0+0+0	
4		P4+RP2+RP3	9:25	6+9+2	0+0+0		6+4+4	0+0+0	

TTĐBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PPD - P10 - AMD	CREW: VIỆT - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2145	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH VĂN HAI	PPD	93-94	2	8			53	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU VĂN CHIÊN	PPD	86	1	6			69	YTE	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN DU	PPD	88	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH VĂN NHA	PPD	90-91	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	87	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN ĐÀO	PPD	92	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÁC	PPD	85	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
9	BIÊN MINH SƠN	PPD	89	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VĂN HOA	AMD	15	1	8			65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	12-13	2	14			78	HLJOC	Vietnamese
12	LA NGỌC HOÀN	AMD	17	1	9			71	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TÂN	AMD	14	1	6			75	TLJOC	Vietnamese
14	NGÔ SY KHÔI	AMD	05	1	5	4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LÂM	AMD	01	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯỜNG THẾ HIỀN	AMD	09	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	03-04	2	6			67	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TRUNG KIẾN	AMD	07	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG THẾ KHAI	AMD	02	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUỐC HUY	AMD	05-06	2	12			90	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HAI NAM	AMD	10-11	2	11			61	HLJOC	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	16	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	9	623	10	57	0	0	4		
2	P10	0	0	0	0	2	35	2		
3	AMD	13	928	17	103	4	70	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.551</b>	<b>27</b>	<b>160</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.551</b>		<b>160</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK5 - PPD - VSP01	CREW: DUONG - N.CUONG - THU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2148	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU VAN DUC	BK5	42	1	10			65	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY KHANH	BK5	44	1	12			75	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU VIET	BK5	41	1	10			71	ANTOAN	Vietnamese
4	TRUONG THE VINH	BK5	48	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC LAN	BK5	47	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN NGOC THUONG	BK5	43	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TRONG TUAN	BK5	45	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY LONG	BK5	49-50	2	17			60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THANH HOANG	BK5	46	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SINH	PPD	37-38	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG DUNG	PPD	31-32	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TIEN DAT	PPD	42-43	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG MINH KHANH	PPD	35	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
14	DAO XUAN TU	PPD	28	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THANH QUANG	PPD	40	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH KHOI	PPD	39	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HIEU	PPD	30	1	4			63	PSV	Vietnamese
18	LE TRAN MINH KHANH	PPD	41	1	7			60	PSV	Vietnamese
19	BUI HUU TRI	PPD	33	1	4			55	PSV	Vietnamese
20	HOANG QUOC LONG	PPD	29	1	4			59	PSV	Vietnamese
21	BUI VAN QUAN	PPD	36	1	4			65	PSV	Vietnamese
22	DAO XUAN HOA	PPD	34	1	6			57	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	9	649	10	106	0	0	0		CHUYEN 01 PAX TU BK5 - PPD
2	PPD	13	849	16	97	0	0	18		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.498	26	203	0	0	22		
WEIGHT KG			1.498		203		0			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DANG THUY ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P4 - P6 - AMD	CREW: QVIỆT - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/2146	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TATARINOV S.M.	P4	18	1	5			83	ANTOAN	Russian
2	TRAN VAN NAM	P4	19	1	7			78	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN HONG	P4	20	1	3			53	PSV	Vietnamese
4	DOAN VAN AI	P4	22	1	5			62	PSV	Vietnamese
5	TRAN VAN CAN	P4	21	1	8			68	PSV	Vietnamese
6	VU VAN LỢI	P6	59	1	10			66	QUYET THA	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	P6	58	1	10	1	20	51	QUYET THA	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN BẢO	P6	60	1	12			67	QUYET THA	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	30	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	38	1	5	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	AMD	33-34	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	41	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HOANG	AMD	28-29	2	19			83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG	AMD	39-40	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MẠNH HÀ	AMD	35	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	36-37	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THƯA THAI	AMD	42	1	8			68	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM TUÂN THANH	AMD	32	1	6			79	PSV	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	31	1	5			75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	5	344	5	28	0	0	6		
2	P6	3	184	3	32	1	20	3		
3	AMD	11	774	15	94	3	45	12		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.302</b>	<b>23</b>	<b>154</b>	<b>4</b>	<b>65</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.302</b>		<b>154</b>		<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP1 - RP2 - RP3	CREW: DUONG - N.CUONG - THU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/2149	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI QUANG CONG	RP1	39-40	2	15	1	10	77	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM MINH NGAY	RP1	45-46	2	11			62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGO VAN SON	RP1	50-51	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
4	VU DUC THIEN	RP1	47-48	2	12			64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TAN	RP1	41-42	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
6	CHU HAI MINH	RP1	49	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG THE MINH	RP1	52	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN DUONG	RP1	43-44	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN THANH THAN	RP2	60-61	2	19	1	20	69	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG KHAC CUONG	RP2	59	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
11	HUYNH DUC TAM	RP2	62	1	8			63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC MANH THANG	RP2	65-66	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN KHAC BANG	RP2	63-64	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRAN	RP2	57	1	5	2	30	64	XAYLAP	Vietnamese
15	LE HUY KHANH	RP2	70	1	10	3	52	59	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM TIEN DAT	RP2	67-68	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TAI	RP2	71-72	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
18	VU XUAN TRUONG	RP3	95-96	2	20	3	60	65	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC ANH	RP3	97-98	2	17			95	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	8	523	14	115	1	10	2		
2	RP2	9	612	14	131	6	102	4		
3	RP3	2	160	4	37	3	60	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.295</b>	<b>32</b>	<b>283</b>	<b>10</b>	<b>172</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.295</b>		<b>283</b>		<b>172</b>			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG

